

BÁO CÁO

kết quả kiểm điểm, đánh giá, xếp loại chất lượng đối với tổ chức đảng, đảng viên và tập thể, cá nhân cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp năm 2022

Thực hiện Công văn số 4679-CV/BTCTW, ngày 06/02/2023 của Ban Tổ chức Trung ương về báo cáo kết quả kiểm điểm, đánh giá, xếp loại chất lượng năm 2022, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lâm Đồng báo cáo kết quả thực hiện như sau:

I. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ THỰC HIỆN**1. Tình hình triển khai**

Tính đến tháng 12/2022, toàn tỉnh có 18 đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy (12 đảng bộ huyện, thành phố; 04 đảng bộ cấp trên cơ sở và 02 đảng bộ cơ sở); 767 tổ chức cơ sở đảng¹ (273 đảng bộ cơ sở, 494 chi bộ cơ sở); 3.066 chi bộ trực thuộc; 48.629 đảng viên², chiếm tỷ lệ khoảng 3,6% dân số toàn tỉnh.

Thực hiện Quy định số 132-QĐ/TW, ngày 08/3/2018 của Bộ Chính trị; Hướng dẫn số 21-HD/BTCTW, ngày 18/10/2019 của Ban Tổ chức Trung ương; Công văn số 4628-CV/VPTW, ngày 29/8/2022 của Văn phòng Trung ương; Công văn số 4264-CV/BTCTW, ngày 18/10/2022 của Ban Tổ chức Trung ương về thực hiện kiểm điểm, đánh giá, xếp loại chất lượng tập thể, cá nhân năm 2022.

Để tiếp tục cụ thể hóa các văn bản của Trung ương, nhằm nâng cao chất lượng kiểm điểm, đánh giá, xếp loại, ngày 27/10/2022 Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Quy định số 14-QĐ/TU về kiểm điểm, đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với tổ chức đảng, đảng viên, tập thể, cá nhân cán bộ lãnh đạo quản lý các cấp (thay thế Quy định số 06-QĐ/TU ngày 26/10/2021).

2. Kết quả thực hiện**2.1. Kết quả kiểm điểm tự phê bình và phê bình**

Đến ngày 11/01/2023, tổng số có 1.209 tập thể đã tiến hành kiểm điểm, đánh giá, xếp loại, trong đó: 01 tập thể Ban Thường vụ Tỉnh ủy; 18 tập thể lãnh đạo, quản lý các ban cán sự đảng, đảng đoàn, cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy; 36 tập thể lãnh đạo, quản lý các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc UBND tỉnh; 279 tập thể lãnh đạo, quản lý cấp huyện (16 ban thường vụ cấp huyện và tương đương; 263 tập thể lãnh đạo, quản lý các

¹ Giảm 09 TCCSĐ so với năm 2020 (142 TCCSĐ xã, phường, thị trấn; 58 TCCSĐ cơ quan Đảng, MTTQ, tổ chức chính trị xã hội; 224 TCCSĐ cơ quan Nhà nước; 167 TCCSĐ đơn vị sự nghiệp; 58 TCCSĐ đơn vị lực lượng vũ trang; 118 TCCSĐ ở doanh nghiệp, hợp tác xã.

² Tăng 785 đảng viên so với năm 2021; trong đó có 5.302 đảng viên dân tộc thiểu số, tỷ lệ 10,75%; 5.003 đảng viên trong các tôn giáo, tỷ lệ 9,79%; 14.617 đảng viên là đoàn viên thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, tỷ lệ 82%; 1.547 đảng viên dự bị, tỷ lệ 4,2%; tuổi bình quân 42; trình độ học vấn trung học phổ thông tỷ lệ 85%; trình độ qua đào tạo từ trung học chuyên nghiệp trở lên tỷ lệ 67,81%; trình độ lý luận chính trị từ trung cấp trở lên tỷ lệ 25,23%.

phòng, ban, ngành); 875 tập thể lãnh đạo quản lý cấp cơ sở đã tiến hành kiểm điểm, đánh giá, xếp loại, kết quả như sau:

a. Đối với Ban Thường vụ Tỉnh ủy:

- Việc kiểm điểm tập thể và cá nhân các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy được tiến hành trong 02 ngày (ngày 26 - 27/12/2022).

- Quá trình kiểm điểm được thực hiện nghiêm túc, đúng quy trình theo yêu cầu, hướng dẫn của Trung ương. Trong kiểm điểm đã thể hiện và đảm bảo nguyên tắc tập trung dân chủ, phát huy tính tự giác, nêu cao tinh thần đấu tranh tự phê bình và phê bình trên cơ sở thẳng thắn, xây dựng, đoàn kết, cầu thị, nghiêm túc.

- Nội dung kiểm điểm tập thể tập trung vào việc đánh giá kết quả đạt được, những khuyết điểm, hạn chế trong lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt, xây dựng, thực hiện chương trình, kế hoạch của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy trên các mặt kinh tế - xã hội³, quốc phòng - an ninh, xây dựng Đảng, hệ thống chính trị; xây dựng đoàn kết nội bộ. Bên cạnh đó, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã tập trung đi sâu kiểm điểm việc lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức học tập, quán triệt, xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, kết luận... của Trung ương và tỉnh, nhất là việc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI; kết quả đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ gắn với đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, các quy định về trách nhiệm nêu gương và công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; về thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ và quy chế làm việc..., đặc biệt là kết quả khắc phục những hạn chế, khuyết điểm đã chỉ ra trong năm 2021.

- Nội dung kiểm điểm của từng cá nhân Ủy viên Ban thường vụ được chuẩn bị chu đáo, nhất là đối với đồng chí Bí thư Tỉnh ủy, các đồng chí Phó Bí thư Tỉnh ủy. Hầu hết các ý kiến góp ý đều nhận định các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy có tư tưởng chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt, ý thức tổ chức kỷ luật, trách nhiệm cao trong công việc, tinh thần đoàn kết thống nhất, đấu tranh tự phê bình và phê bình tốt, không né tránh, ngại va chạm; thể hiện sự gương mẫu, trách nhiệm, năng động, sáng tạo; có quyết tâm cao trong phòng, chống tham nhũng, tiêu cực... Năm 2022, có 02 đồng chí phải xem xét, thi hành kỷ luật mức khiển trách, lý do: Vi phạm Quy định những điều đảng viên không được làm và trách nhiệm nêu gương đối với cán bộ, đảng viên, nhất là vai trò người đứng đầu.

- Qua kiểm điểm nghiêm túc tại Hội nghị, tập thể Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy và các đồng chí ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã nhìn nhận rõ kết quả đạt được, những khuyết điểm, hạn chế, nguyên nhân; qua đó tiếp tục phát huy ưu điểm, kịp thời khắc phục những khuyết điểm, hạn chế, phấn đấu

³ Có 6/18 chỉ tiêu vượt và 12/18 chỉ tiêu đạt kế hoạch. Trong đó, tăng trưởng kinh tế đạt 12,09%; cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng ngành công nghiệp - xây dựng, dịch vụ, giảm tỷ trọng ngành nông nghiệp; thu ngân sách nhà nước đạt 13.000 tỷ đồng, tăng 18,1% so cùng kỳ; điều hành chi ngân sách nhà nước đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả. Tập trung tháo gỡ những rào cản, cải thiện môi trường đầu tư, tạo sức hút các nhà đầu tư lớn; triển khai nhiều giải pháp đẩy nhanh giải ngân vốn đầu tư công, thực hiện các công trình trọng điểm. Chỉ đạo quyết liệt công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm trong quản lý, bảo vệ rừng, đất đai, tài nguyên, khoáng sản, trật tự xây dựng, đô thị.

hoàn thành tốt các chỉ tiêu, nhiệm vụ đề ra trong năm 2023 và những năm tiếp theo. Kết quả đánh giá, xếp loại: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 02 đồng chí, tỷ lệ 13,3%; hoàn thành tốt nhiệm vụ: 10 đồng chí, tỷ lệ 66,64%; hoàn thành nhiệm vụ: 01 đồng chí, tỷ lệ 6,7%; không hoàn thành nhiệm vụ: 02 đồng chí, tỷ lệ 13,3%.

b. Đối với tập thể và cá nhân ủy viên Ban thường vụ thành ủy, huyện ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy:

- Công tác kiểm điểm năm 2022 cơ bản được Ban thường vụ các thành ủy, huyện ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy chuẩn bị và tổ chức thực hiện nghiêm túc, theo đúng tinh thần Quy định số 132-QĐ/TW của Bộ Chính trị; Hướng dẫn số 21-HD/BTCTW của Ban Tổ chức Trung ương; Quy định số 14-QĐ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; gắn với nội dung cam kết thực hiện theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII, XIII; bản đăng ký học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; nội dung gợi ý kiểm điểm của Ban Thường vụ Tỉnh ủy đối với 06 tập thể⁴.

- Quá trình kiểm điểm có các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy phụ trách địa bàn dự, chỉ đạo; đại diện lãnh đạo và cán bộ của Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy dự, theo dõi, hướng dẫn kiểm điểm. Thời gian kiểm điểm tập thể và cá nhân các đồng chí ủy viên ban thường vụ cấp ủy cấp huyện trung bình gần 1,5 ngày.

- Nội dung kiểm điểm tập thể của đa số các cấp ủy tương đối cụ thể, tập trung đánh giá, làm rõ kết quả đạt được, những hạn chế, khuyết điểm, nguyên nhân trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, xây dựng Đảng, hệ thống chính trị năm 2022 và các nội dung gợi ý theo chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Một số ban thường vụ cấp ủy phân tích khá rõ những hạn chế, khuyết điểm, nguyên nhân, trách nhiệm của tập thể, cá nhân (*Đa Têh, Di Linh, Công an tỉnh, Quân sự tỉnh, Ban cán sự đảng UBND tỉnh, Đảng đoàn HĐND tỉnh...*).

- Nội dung kiểm điểm cá nhân đã thể hiện trách nhiệm của từng đồng chí ủy viên ban thường vụ, nhất là vai trò của các đồng chí lãnh đạo, người đứng đầu. Đa số các hạn chế, khuyết điểm, yếu kém của tập thể liên quan đến từng lĩnh vực cụ thể đã được các đồng chí ủy viên ban thường vụ liên hệ, nhận trách nhiệm và có hướng khắc phục trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ của cấp ủy, cơ quan, đơn vị trong thời gian tới. Tổng số có 137 đồng chí ủy viên ban thường vụ cấp ủy cấp huyện và tương đương được đánh giá, xếp loại, kết quả: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 22 đồng chí, tỷ lệ 16%, giảm 4%; hoàn thành tốt nhiệm vụ: 112 đồng chí, tỷ lệ 81,75%, tăng 2,45%; hoàn thành nhiệm vụ: 01 đồng chí, tỷ lệ 0,7%; không hoàn thành nhiệm vụ: 02 đồng chí, tỷ lệ 1,55%, tăng 1,55%.

c. Đối với tổ chức cơ sở đảng, chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở :

Thực hiện quy định, hướng dẫn của Trung ương, của tỉnh, từng loại hình tổ chức cơ sở đảng, các chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở căn cứ chức năng, nhiệm vụ, thực hiện nghiêm túc việc xây dựng báo cáo kiểm điểm cấp ủy, ban thường vụ (*đối với những đảng bộ cơ sở có ban thường vụ*), báo cáo tổng kết công tác xây dựng

⁴ Ban Thường vụ thành ủy, huyện ủy: Đà Lạt, Bảo Lộc, Đức Trọng, Bảo Lâm, Lâm Hà, Đam Rông.

Đảng năm 2022, mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ năm 2023; kết quả kiểm điểm, đánh giá, phân loại chất lượng và tổ chức họp kiểm điểm, đánh giá, phân loại chất lượng, đảm bảo quy trình, thời gian theo đúng yêu cầu và quy định.

2.2. Kết quả xếp loại chất lượng

a. Kết quả đánh giá, xếp loại tổ chức đảng:

* Đối với Đảng bộ cấp huyện và tương đương: Đến thời điểm đánh giá có 16 đảng bộ; số được đánh giá, xếp loại 16 đảng bộ, tỷ lệ 100%:

- *Kết quả tự đánh giá, xếp loại của các đảng bộ:*

+ Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 03 đảng bộ, tỷ lệ 56,25%.

+ Hoàn thành tốt nhiệm vụ: 09 đảng bộ, tỷ lệ 43,75%.

+ Hoàn thành nhiệm vụ: 03 đảng bộ.

+ Không hoàn thành nhiệm vụ: 01 đảng bộ.

- *Kết quả đánh giá, xếp loại của Ban Thường vụ Tỉnh ủy:*

+ Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 02 đảng bộ, tỷ lệ 25%, tăng 5%.

+ Hoàn thành tốt nhiệm vụ: 06 đảng bộ, tỷ lệ 31,25%, giảm 48,75%.

+ Hoàn thành nhiệm vụ: 06 đảng bộ, tỷ lệ 31,25%, tăng 31,25%.

+ Không hoàn thành nhiệm vụ: 02 đảng bộ, tỷ lệ 12,5%, tăng 12,5%⁵.

* Đối với các tổ chức cơ sở đảng: Đến thời điểm kiểm điểm, đánh giá có 767 tổ chức cơ sở đảng (*giảm 09 tổ chức*); số được kiểm điểm, đánh giá, xếp loại 766 tổ chức, tỷ lệ 99,9%, số chưa được kiểm điểm, đánh giá xếp loại 01 tổ chức, tỷ lệ 0,1% (*do mới thành lập*), kết quả:

+ Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 128 tổ chức, tỷ lệ 16,7%, giảm 2,81%.

+ Hoàn thành tốt nhiệm vụ: 531 tổ chức, tỷ lệ 69,36%, giảm 1,84%.

+ Hoàn thành nhiệm vụ: 86 tổ chức, tỷ lệ 11,2%, tăng 1,91%.

+ Không hoàn thành nhiệm vụ: 21 tổ chức, tỷ lệ 2,74%, tăng 2,74%⁶.

* Đối với chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở: Đến thời điểm kiểm điểm, đánh giá có 3.066 chi bộ (*tăng 01 chi bộ*); số được kiểm điểm, đánh giá, xếp loại là 3.063 chi bộ, tỷ lệ 99,9%; số chưa được kiểm điểm, đánh giá xếp loại là 03 chi bộ, tỷ lệ 0,1% (*do mới thành lập*), kết quả:

+ Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 539 chi bộ, tỷ lệ 19,19% tăng 0,22%.

+ Hoàn thành tốt nhiệm vụ: 2.269 chi bộ, tỷ lệ 72,25%, giảm 2,2%.

⁵ Đảng bộ TP Đà Lạt; Đảng bộ TP Bảo Lộc.

⁶ Đảng bộ TP Đà Lạt 03 (Chi bộ Chi cục Thi hành án; Ban quản lý rừng Lâm Viên; Đảng bộ Phường 8); Đảng bộ TP Bảo Lộc 03 (Đảng bộ Bệnh viện II; Chi bộ Hạt kiểm lâm; Chi bộ Cty CP thương mại LĐ); huyện Đam Rông 03 (Chi bộ BQL rừng Phi Liêng; Chi bộ Tài nguyên-Môi trường; Đảng bộ xã Phi Liêng); Khối các cơ quan 03 (Đảng bộ Sở NN&PTNT; Đảng bộ TT kiểm soát bệnh tật; Chi bộ Trường CĐ Du lịch Đà Lạt); huyện Lạc Dương 03 (Đảng bộ xã Đưng K'Nơ; Đảng bộ Ban QL RPH đầu nguồn Đa Nhim; Chi bộ Hạt kiểm lâm); huyện Lâm Hà 02 (Chi bộ Kinh tế-hạ tầng; Chi bộ Chi nhánh VPĐKĐĐ); huyện Bảo Lâm 02 (Đảng bộ xã Lộc Bảo; Chi bộ BQLDA đầu tư XDCTCC); huyện Cát Tiên 02 (Chi bộ NN&PTNT; Chi bộ VH-TT).

- + Hoàn thành nhiệm vụ: 221 chi bộ, tỷ lệ 7,2%, tăng 1%.
- + Không hoàn thành nhiệm vụ: 34 chi bộ, tỷ lệ 1,11%, tăng 0,98⁷.

b. Kết quả đánh giá, xếp loại đảng viên:

Số đảng viên đến thời điểm đánh giá 48.629 đảng viên; số được kiểm điểm, đánh giá, xếp loại 44.587 đảng viên, tỷ lệ 91,68%; số chưa được kiểm điểm, đánh giá xếp loại 4.042 đảng viên, tỷ lệ 8,32% (trong đó: số được miễn kiểm điểm, đánh giá, xếp loại 3.436 đảng viên; số chưa đủ thời gian để đánh giá, xếp loại 606 đảng viên), kết quả:

- + Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 6.607 đảng viên, tỷ lệ 15,44%, tăng 0,16%.
- + Hoàn thành tốt nhiệm vụ: 36.168 đảng viên, tỷ lệ 80,5%, tăng 0,8%.
- + Hoàn thành nhiệm vụ: 1.464 đảng viên, tỷ lệ 3,28% giảm 1,04%.
- + Không hoàn thành nhiệm vụ: 348 đảng viên, tỷ lệ 0,78%, tăng 0,08%⁸.

c. Kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng tập thể lãnh đạo, quản lý các cấp:

* Đối với tập thể lãnh đạo, quản lý của các ban cán sự đảng, đảng đoàn, cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh đoàn, Trường Chính trị tỉnh, Báo Lâm Đồng, đến thời kiểm điểm, điểm đánh giá có 18 tập thể được kiểm điểm, đánh giá, xếp loại, tỷ lệ 100%, kết quả:

- Kết quả tập thể lãnh đạo, quản lý tự đánh giá, xếp loại:

- + Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 12 tập thể, tỷ lệ 66,66%, tăng 12,5%.
- + Hoàn thành tốt nhiệm vụ: 05 tập thể, tỷ lệ 27,77%, giảm 12,5%.
- + Hoàn thành nhiệm vụ: 01 tập thể, tỷ lệ 5,57%.
- + Không hoàn thành nhiệm vụ: Không.

- Kết quả do Ban Thường vụ Tỉnh ủy đánh giá, xếp loại:

- + Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 05 tập thể, tỷ lệ 29,4%.
- + Hoàn thành tốt nhiệm vụ: 12 tập thể, tỷ lệ 65,1%, tăng 5,5%.
- + Hoàn thành nhiệm vụ: 01 tập thể, tỷ lệ 5,5%, giảm 5,5%.
- + Không hoàn thành nhiệm vụ: Không.

* Đối với tập thể lãnh đạo, quản lý các sở ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc UBND tỉnh (do Ban cán sự đảng UBND tỉnh đánh giá, xếp loại) có 36 tập thể được kiểm điểm, đánh giá, xếp loại, kết quả:

- + Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 07 tỷ lệ 20%, giảm 1,6%.
- + Hoàn thành tốt nhiệm vụ: 27 đơn vị, tỷ lệ 74,45%, giảm 1,35%.
- + Hoàn thành nhiệm vụ: 02 đơn vị, tỷ lệ 5,55%, tăng 2,95%⁹.

⁷ Đà Lạt 02; Lạc Dương 06; Đơn Dương 03; Đức Trọng 03; Lâm Hà 02; Di Linh 04; Đạ Hoai 03; Cát Tiên 01; Đam Rông 04; ĐU Khối các Cơ quan 06.

⁸ Đà Lạt 43; Bảo Lộc 19; Lạc Dương 28; Đơn Dương 14; Đức Trọng 40; Lâm Hà 45; Di Linh 25; Bảo Lâm 16; Đạ Hoai 10; Đạ Tẻh 13; Cát Tiên 19; Đam Rông 44; ĐU Khối các Cơ quan 19; Khối Doanh nghiệp 06; Công an tỉnh 04; Quân sự tỉnh 02; Viện Nghiên cứu Hạt nhân 01.

+ Không hoàn thành nhiệm vụ: Không.

* Đối với tập thể lãnh đạo, quản lý ở cấp huyện, đến thời điểm kiểm điểm, đánh giá có 279 tập thể lãnh đạo, quản lý ở cấp huyện được kiểm điểm, đánh giá, xếp loại, kết quả:

+ Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 61 tập thể, tỷ lệ 29%, tăng 6%.

+ Hoàn thành tốt nhiệm vụ: 147 tập thể, tỷ lệ 53%, giảm 19,4%.

+ Hoàn thành nhiệm vụ: 60 tập thể, tỷ lệ 13,4%, tăng 8,8%.

+ Không hoàn thành nhiệm vụ: 13 tập thể, tỷ lệ 4,6%, tăng 4,6%¹⁰.

Trong đó, tập thể ban thường vụ các thành ủy, huyện ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy có 16 tập thể, kết quả như sau:

+ Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 03 tập thể, tỷ lệ 21,4%.

+ Hoàn thành tốt nhiệm vụ: 11 tập thể, tỷ lệ 66,1%, giảm 6,25%.

+ Hoàn thành nhiệm vụ: 02 tập thể, tỷ lệ 12,5%, tăng 6,25%.

+ Không hoàn thành nhiệm vụ: Không.

* Đối với tập thể lãnh đạo, quản lý cấp cơ sở, đến thời điểm kiểm điểm, đánh giá có 875 tập thể lãnh đạo, quản lý cấp cơ sở đã tiến hành kiểm điểm, đánh giá, xếp loại, kết quả:

+ Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 168 tập thể, tỷ lệ 20%, giảm 2,5%.

+ Hoàn thành tốt nhiệm vụ: 658 tập thể, tỷ lệ 74,42%, tăng 1,12%.

+ Hoàn thành nhiệm vụ: 15 tập thể, tỷ lệ 1,7%, giảm 1,64%.

+ Không hoàn thành nhiệm vụ: 34 tập thể, tỷ lệ 3,88%, tăng 3,02%.

d. Kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng cá nhân cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp:

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy, đến thời điểm kiểm điểm, đánh giá có 15 đồng chí, số được đánh giá 15 đồng chí, tỷ lệ 100%, kết quả:

+ Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 02 đồng chí, tỷ lệ 20%.

+ Hoàn thành tốt nhiệm vụ: 10 đồng chí, tỷ lệ 66,7%, giảm 13,3%.

+ Hoàn thành nhiệm vụ: 01 đồng chí, tỷ lệ 13,3%, tăng 13,3%.

+ Không hoàn thành nhiệm vụ: 02 đồng chí.

- Các đồng chí Tỉnh ủy viên (*không là UVBTV Tỉnh ủy*), đến thời điểm kiểm điểm, đánh giá có 35 đồng chí, số được đánh giá 35 đồng chí, tỷ lệ 100%, kết quả:

+ Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 07 đồng chí, tỷ lệ 21,8%, tăng 1,8%.

+ Hoàn thành tốt nhiệm vụ: 25 đồng chí, tỷ lệ 69,7%, giảm 4,7%.

+ Hoàn thành nhiệm vụ: 01 đồng chí, 2,8%, giảm 2,8%.

⁹ Sở Nông nghiệp và PTNT; Quỹ đầu tư phát triển.

¹⁰ Đà Lạt 02; Bảo Lộc 02; Lạc Dương 01; Đam Rông 01; Lâm Hà 02; Cát Tiên 02; Khối các cơ quan 03.

+ Không hoàn thành nhiệm vụ: 02 đồng chí, tỷ lệ 5,7%, tăng 5,7%.

- Các đồng chí bí thư các huyện ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy; giám đốc các sở, ban, ngành cấp tỉnh (*không là Tỉnh ủy viên*), đến thời điểm kiểm điểm, đánh giá có 15 đồng chí, số được đánh giá 15 đồng chí, tỷ lệ 100%, kết quả:

+ Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 03 đồng chí, tỷ lệ 20%.

+ Hoàn thành tốt nhiệm vụ: 12 đồng chí, tỷ lệ 80%.

+ Hoàn thành nhiệm vụ: Không.

+ Không hoàn thành nhiệm vụ: Không.

e. Công tác kiểm tra, giám sát, thẩm định kết quả đánh giá, xếp loại:

- Công tác kiểm tra, giám sát, thẩm định, đánh giá được các cấp ủy tổ chức thực hiện nghiêm túc. Có 100% các cấp ủy trực thuộc Tỉnh ủy thành lập tổ công tác (*trong đó có 01 đồng chí ủy viên ban thường vụ*) để cùng dự họp kiểm điểm, đánh giá, xếp loại các tổ chức cơ sở đảng, đảng viên. Sau khi dự kiểm tra, hướng dẫn, các tổ thẩm định tiến hành tổng hợp, lấy ý kiến, sau đó xem xét, phân tích, đề xuất mức đánh giá, xếp loại trước khi trình ban thường vụ cấp ủy quyết định.

- Phương pháp, quy trình, nội dung kiểm tra, giám sát công tác kiểm điểm được thực hiện đúng theo Quy định số 132-QĐ/TW, ngày 08/3/2018 của Bộ Chính trị; Hướng dẫn số 21-HD/BTCTW, ngày 18/10/2019 của Ban Tổ chức Trung ương; Quy định số 14-QĐ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về kiểm điểm, đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm; gắn với nội dung cam kết thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII, XIII, bản đăng ký học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; trách nhiệm nêu gương và nội dung gợi ý của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

(Có các biểu 6A; 6B; 6C; 6D; 6E, 6F kèm theo).

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

- Các cấp ủy, tổ chức đảng từ tỉnh đến cơ sở đã chủ động bám sát quy định, hướng dẫn của Trung ương và của Ban Thường vụ Tỉnh ủy để triển khai thực hiện theo đúng yêu cầu; quá trình tổ chức kiểm điểm tập thể và cá nhân lãnh đạo, quản lý cơ bản nghiêm túc, rõ trách nhiệm tập thể, cá nhân, nhất là đối với những hạn chế, khuyết điểm.

- Qua tổ chức thực hiện cho thấy rõ người, rõ việc, nhất là kết quả đánh giá các sản phẩm, mô hình mới trong đánh giá, xếp loại mức “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” đối với tập thể và cá nhân. Việc kiểm điểm, đánh giá, xếp loại chất lượng đã từng bước phát huy tính chủ động trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ, phát huy vai trò của cán bộ, đảng viên.

2. Hạn chế, khuyết điểm và nguyên nhân

- Còn một số nơi chưa thực sự nghiêm túc hoặc chưa thực hiện đúng nguyên tắc, quy trình trong đánh giá, xếp loại tổ chức cơ sở đảng, đảng viên, đặc biệt là trong việc đánh giá, xếp loại gắn với các tiêu chí cụ thể về tự nhận mức xếp loại.

- Việc tổ chức kiểm điểm nội dung cam kết thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII, XIII, Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị và trách nhiệm nêu gương ở một số loại hình tổ chức cơ sở đảng, tập thể lãnh đạo, quản lý, cá nhân chưa thực sự sâu, kỹ.

- Số tổ chức đảng, tập thể, cá nhân đánh giá, xếp loại mức “Hoàn thành nhiệm vụ” và “Không hoàn thành nhiệm vụ” tăng so với năm 2021, cá biệt có cả người đứng đầu cấp ủy cơ sở, cấp ủy cấp trên cơ sở bị đánh giá, xếp loại mức “*Không hoàn thành nhiệm vụ*” (tăng trung bình 1,5%).

Nguyên nhân hạn chế, khuyết điểm:

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện nhiệm vụ một số cấp ủy, tổ chức đảng, người đứng đầu chưa thực sự quyết liệt; việc cụ thể hoá, triển khai thực hiện nghị quyết theo tinh thần “*đổi mới, sáng tạo, có sản phẩm cụ thể*” còn hạn chế; vẫn còn một số cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo, quản lý chưa thực sự nghiên cứu kỹ quy định, hướng dẫn của Trung ương, của tỉnh về các bước, quy trình, tiêu chí trong kiểm điểm, đánh giá, xếp loại tập thể, cá nhân, vì vậy còn lúng túng hoặc thực hiện chưa nghiêm việc kiểm điểm, đánh giá, xếp loại.

- Việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khoá XII, XIII, Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị ở một số cấp ủy, tổ chức đảng thiếu quyết liệt. Một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa thật sự tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống. Thực hiện trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên có nơi, có lúc chưa nghiêm.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

Năm 2023, Tỉnh ủy xác định chủ đề “***Quyết liệt, đồng bộ, đột phá; kỷ cương, nêu gương, trách nhiệm, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI***”. Tỉnh ủy, Ban Thường vụ, Thường trực Tỉnh ủy và các cấp ủy tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai quyết liệt, đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm, thực hiện sáng tạo, hiệu quả các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương và tỉnh, quyết tâm phấn đấu hoàn thành vượt mức các mục tiêu, chỉ tiêu năm 2023 đã xác định, với các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm:

1. Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt các giải pháp phòng, chống dịch Covid-19, chủ động phương án ứng phó với các tình huống dịch bệnh mới có thể xảy ra và triển khai hiệu quả chương trình phục hồi kinh tế. Phát huy hiệu quả tiềm năng, lợi thế địa phương; đẩy mạnh đổi mới mô hình tăng trưởng, gắn với thực hiện hiệu quả tái cơ cấu nền kinh tế, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh nền kinh tế; phát triển các ngành, lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp - xây dựng và dịch vụ theo hướng phát triển xanh, toàn diện, bền vững; phát triển kinh tế số, xã hội số, dựa trên đổi mới, sáng tạo, chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ. Tập trung chỉ đạo quyết liệt, tháo gỡ vướng mắc về thủ tục hành chính, giải phóng mặt bằng... đẩy nhanh tiến độ các công trình trọng điểm, công tác giải ngân vốn đầu tư công; thúc đẩy mạnh mẽ đổi mới, sáng tạo, khởi nghiệp và hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, kinh tế tư nhân, kinh tế hợp tác. Tiếp tục thực hiện hiệu quả việc cơ cấu lại ngân sách, nợ công, quản lý tài sản công; tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành ngân sách nhà nước. Tập trung huy động các nguồn lực và thực hiện lồng ghép các chương trình, dự án để thực hiện tốt 03 Chương trình mục tiêu quốc gia.

2. Kịp thời chỉ đạo điều chỉnh, tháo gỡ khó khăn, hạn chế, bất cập trong cơ chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thực thi, bảo đảm kỷ luật, kỷ cương; đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, thu hút đầu tư, thúc đẩy các thị trường phát triển bình đẳng, lành mạnh.

3. Tổ chức triển khai thực hiện đạt hiệu quả quy hoạch tỉnh Lâm Đồng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; điều chỉnh Quy hoạch 704 và những quy hoạch được phê duyệt. Quan tâm bố trí nguồn lực, lập, phê duyệt các đồ án quy hoạch trên phạm vi toàn tỉnh; tập trung rà soát, hủy bỏ những đồ án quy hoạch quá thời hạn, không còn phù hợp quy hoạch chung của tỉnh. Nghiên cứu, triển khai các kế hoạch, đề án phát triển đô thị thích ứng với biến đổi khí hậu, tăng trưởng xanh, đô thị thông minh; lấy đô thị làm động lực phát triển vùng. Tăng cường thanh tra, kiểm tra và xử lý nghiêm vi phạm trong lập, phê duyệt, quản lý quy hoạch và vi phạm trật tự xây dựng, đô thị.

4. Tăng cường chỉ đạo quản lý, sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên, khoáng sản, rừng; đẩy nhanh tiến độ triển khai hệ thống số hóa cơ sở dữ liệu đất đai; ưu tiên bố trí nguồn lực xây dựng hệ thống số hóa cơ sở dữ liệu đất đai, cắm mốc phân định ranh giới đất lâm nghiệp và nông nghiệp; tăng cường kiểm tra, xử lý nghiêm vi phạm quản lý đất đai, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, bảo vệ tài nguyên, khoáng sản; tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng. Nâng cao năng lực dự báo, chủ động các biện pháp phòng ngừa, giảm nhẹ thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu.

5. Tiếp tục chỉ đạo đầu tư phát triển toàn diện, đồng bộ lĩnh vực văn hóa - xã hội, bảo đảm gắn kết hài hòa giữa phát triển kinh tế với văn hóa, xã hội; nâng cao đời sống nhân dân, bảo đảm an sinh xã hội; làm tốt công tác giáo dục - đào tạo, y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân; chú trọng thiết lập các điều kiện tốt nhất về cơ sở vật chất y tế, giáo dục. Thực hiện tốt quản lý nhà nước về báo chí, phát ngôn, cung cấp thông tin; định hướng dư luận xã hội; chú trọng tuyên truyền, tổ chức các sự kiện, ngày lễ kỷ niệm lớn của đất nước, địa phương. Thực hiện tốt các chính sách dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng.

6. Chỉ đạo thực hiện tốt các nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, đảm bảo trật tự, an toàn xã hội; chủ động phòng ngừa, đấu tranh, ngăn chặn, vô hiệu hóa kịp thời các âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, các loại tội phạm; siết chặt kỷ luật, kỷ cương, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ. Nâng cao chất lượng hoạt động các cơ quan tư pháp trong công tác điều tra, truy tố, xét xử. Chỉ đạo giải quyết dứt điểm đơn, thư khiếu nại, tố cáo trên địa bàn; phát huy vai trò tốt người đứng đầu cấp ủy, chính quyền trong công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo đúng quy định.

7. Đẩy mạnh tuyên truyền, quán triệt và triển khai thực hiện nghiêm chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước; tăng cường đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, phản bác các luận điệu sai trái, xuyên tạc của các thế lực thù địch; nắm chắc tình hình, kịp thời thông tin, định hướng dư luận xã hội; chú trọng tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận. Tiếp tục bám sát quy chế làm việc, nguyên tắc, quy trình, quy định của Đảng để tổ chức thực hiện nhiệm vụ, phát huy dân chủ, tạo sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng. Tăng cường củng

cổ, xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên trong giai đoạn mới. Cụ thể hóa và thực hiện tốt các quy định, văn bản của Trung ương về công tác cán bộ; đổi mới mạnh mẽ, đồng bộ công tác cán bộ; chỉ đạo làm tốt công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, bố trí, sử dụng cán bộ lãnh đạo, quản lý nhiệm kỳ 2020 - 2025, 2021 - 2026 và 2025 - 2030, 2026 - 2031; khuyến khích đổi mới, sáng tạo và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm; kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ và chống chạy chức, chạy quyền.

8. Chỉ đạo thực hiện nghiêm túc Kế hoạch số 33-KH/TU, ngày 25/02/2022 của Tỉnh ủy thực hiện Kết luận số 21-KL/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ, gắn với đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, các quy định về nêu gương, bằng các giải pháp mạnh mẽ, quyết liệt, đồng bộ, sáng tạo.

9. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật Đảng; chú trọng kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của Đảng, Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII), Kết luận số 21-KL/TW gắn với Kết luận số 01-KL/TW của Bộ Chính trị (khóa XIII) và các quy định về nêu gương đối với cán bộ, đảng viên; các lĩnh vực, địa bàn dễ xảy ra tham nhũng, tiêu cực. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án, phát hiện sớm, xử lý nghiêm minh các vụ việc, vụ án; chỉ đạo xây dựng kế hoạch khắc phục những hạn chế, khuyết điểm ở các cấp gắn với theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện.

10. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cả hệ thống chính trị về công tác dân vận; chú trọng công tác dân tộc, tôn giáo; thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở; phong trào thi đua “*Dân vận khéo*”. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong giám sát, phản biện xã hội, tham gia góp ý xây dựng Đảng, chính quyền. Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, cải tiến lề lối làm việc, đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao năng lực quản lý, điều hành của chính quyền các cấp.

Nơi nhận:

- Ban Tổ chức Trung ương (*báo cáo*),
- Vụ III- BTC Trung ương,
- Vụ VII - UBKT Trung ương,
- Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, BTV Tỉnh đoàn,
- Các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy, TH3.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ

Trần Đình Văn





THỐNG KÊ
KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI CHẤT LƯỢNG TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG
NĂM 2022

Biểu số 6A - BTCTW

Biểu số 6A - BTCTV																												
STT	Tiêu chí	Tổng số	Chia theo các loại hình tổ chức cơ sở đảng																									
			Xã	Phường	Thị trấn	Cơ quan Đảng, MTTQ, tổ chức CT-XH	Cơ quan Nhà nước	Đơn vị sự nghiệp			Quân đội	Công an	Doanh nghiệp và hợp tác xã															Tổ chức đảng ở ngoài nước
								Tổng số	Công lập	Ngoài công lập			DN có vốn Nhà nước				DN ngoài khu vực Nhà nước							DN có vốn nước ngoài		HTX		
													Tổng số	NN Năm giữ 100% vốn điều lệ	NN Năm giữ từ 50% vốn điều lệ trở	NN Năm giữ dưới 50% vốn điều lệ	Tổng số	CT Cổ phần	DN Tư nhân	CT TNHH	CT Hợp danh	Tổng số	CT 100% vốn NN					
1	2	$3=4+...+14$	4	5	6	7	8	9			10	11	$12=12a+12b+12c$	12a				12b								12c	13	
A	TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG	767	111	18	13	58	224	167	167	0	17	41	118	66	41	14	11	52	37	2	12	0	1	1	0	0		
I	ĐẢNG BỘ CƠ SỞ	273	111	18	13	5	22	35	35	0	17	29	23	19	9	6	4	4	4	0	0	0	0	0	0	0		
1	Số có đến cuối năm (1=2+3)	273	111	18	13	5	22	35	35	0	17	29	23	19	9	6	4	4	4	0	0	0	0	0	0	0		
2	Số đã ĐG, XL chất lượng	273	111	18	13	5	22	35	35	0	17	29	23	19	9	6	4	4	4	0	0	0	0	0	0	0		
-	HTXSNV	61	38	1	4	0	2	4	2	0	1	0	13	12	1	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0		
-	HTTNV	155	3	1	0	0	1	26	3	0	0	0	9	6	0	0	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0		
-	HTNV	49	0	0	0	0	0	2	0	0	0	0	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
-	Không HTNV	8	0	0	0	0	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
3	Số chưa ĐG, XL chất lượng	0	0	0	0	53	202	0	132	0	0	12	0	0	32	8	7	0	33	2	12	0	1	1	0	0		
	Trong đó: Số mới thành lập	0	0	0	0	53	202	0	132	0	0	12	0	0	32	8	7	0	33	2	12	0	1	1	0	0		

II	CHI BỘ CƠ SỞ	494	0	0	0	53	202	132	132	0	0	12	95	47	32	8	7	48	33	2	12	0	1	1	0	0
1	Số có đến cuối năm (1=2+3)	494	0	0	0	53	202	132	132	0	0	12	95	47	32	8	7	48	33	2	12	0	1	1	0	0
2	Số đã ĐG, XL chất lượng	493	0	0	0	53	202	132	132	0	0	12	94	46	32	8	6	48	33	2	12	0	1	1	0	0
-	HTXSNV	67	0	0	0	5	18	15	10	0	0	0	10	10	2	0	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0
-	HTTNV	376	0	0	0	0	7	102	5	0	0	0	79	33	0	0	0	46	1	0	0	0	0	0	0	0
-	HTNV	37	0	0	0	0	0	10	0	0	0	0	4	3	0	0	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0
-	Không HTNV	13	0	0	0	0	0	5	0	0	0	0	1	0	0	0	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Số chưa ĐG, XL chất lượng	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Trong đó: Số mới thành lập	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
B	TỔ CHỨC ĐẢNG TRỰC THUỘC	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
I	ĐẢNG BỘ BỘ PHẬN	0						0					0	0				0								
1	Số có đến cuối năm (1=2+3)	0	0	0	0	0	0	0					0	0				0								
2	Số đã ĐG, XL chất lượng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
-	HTXSNV	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
-	HTTNV	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
-	HTNV	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
-	Không HTNV	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Số chưa ĐG, XL chất lượng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Trong đó: Số mới thành lập	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
II	CHI BỘ TRỰC THUỘC	3,066	1,556	399	340	25	130	207	207	0	70	191	148	124	79	4	11	24	24	0	0	0	0	0	0	0

SẢN

 NH Ủ
 M ĐỒNG


1	Số có đến cuối năm (1=2+3)	3,066	1,556	399	340	25	130	207	207	0	70	191	148	124	79	34	11	24	24	0	0	0	0	0	0	0
2	Số đã ĐG, XL chất lượng	3,063	1,554	399	340	25	130	207	207	0	70	191	148	124	79	34	11	24	24	0	0	0	0	0	0	0
-	HTXSNV	539	256	73	58	5	25	29	29	0	16	39	38	33	17	11	5	5	5	0	0	0	0	0	0	0
-	HTNV	2,269	1,145	307	249	20	96	154	154	0	52	142	104	85	56	23	6	19	19	0	0	0	0	0	0	0
-	HTNV	221	133	18	28	0	5	19	19	0	2	10	6	6	6	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
-	Không HTNV	34	20	1	5	0	4	4	4	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Số chưa ĐG, XL chất lượng	3	2	0	0	0	0	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Trong đó: Số mới thành lập	3	2	0	0	0	0	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

VIỆT
G
NAM



THỐNG KÊ

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI CHẤT LƯỢNG ĐẢNG VIÊN

NĂM 2022

Biểu số 6B - BTCTW

STT	Tiêu chí	Tổng số	Chia theo các loại hình tổ chức cơ sở đảng																										
			Xã	Phường	Thị trấn	Cơ quan Đảng, MTTQ, tổ chức CT-XH	Cơ quan Nhà nước	Đơn vị sự nghiệp			Quân đội	Công an	Tổng số	Doanh nghiệp và hợp tác xã													HTX	Tổ chức đảng ở ngoài nước	Tổ chức đảng khác
								Tổng số	Công lập	Ngoài công lập				DN có vốn Nhà nước				DN ngoài khu vực Nhà nước					DN có vốn nước ngoài						
														Tổng số	NN Năm giữ 100% vốn điều lệ	NN Năm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên	NN Năm giữ dưới 50% vốn điều lệ	Tổng số	CT Cổ phần	DN Tư nhân	CT TN HH	CT Hợp danh	Tổng số	DN 100 % vốn NN					
1	2	3=4+5+6+7+8+9+12+13+14+27+28	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28		
1	Số có mặt đến thời điểm ĐG, XL chất lượng (1=2+3+4)	48,629	17,740	8,913	6,517	961	4,022	4,397	4,397	0	771	2,434	2,862	2,129	1,444	520	165	745	578	12	145	0	10	10	0	0	0		
2	Số được miễn ĐG, XL chất lượng	3,436	1,467	955	833	1	24	51	51	0	20	19	66	62	30	29	3	4	4	0	0	0	0	0	0	0	0		
3	Số chưa được ĐG, XL chất lượng	606	256	109	78	2	64	68	68	0	3	10	16	8	6	2	0	8	7	0	1	0	0	0	0	0	0		

[illegible]

THỐNG KÊ
KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI CHẤT LƯỢNG TỔ CHỨC ĐẢNG CẤP HUYỆN
Năm 2022

Biểu số 6C - BTCTW

[illegible]

THỐNG KÊ

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI CHẤT LƯỢNG
TẬP THỂ LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ
Năm 2022

Biểu số 6D - BTCTW

STT	Tiêu chí	Tổng số	Ban Chấp hành	Ban Thường vụ	Tập thể lãnh đạo, quản lý khác
1	2	3	4	5	6
I	Ở CẤP TỈNH	55		1	54
1	Số có đến cuối năm (1=2+3)	55		1	54
2	Số chưa ĐG, XL chất lượng				
3	Số đã ĐG, XL chất lượng	54			54
-	HTXSNV	12			12
-	HTTNV	39			39
-	HTNV	3			3
-	Không HTNV				
Trong đó	Cấp có thẩm quyền kết luận mất đoàn kết nội bộ hoặc có thành viên suy thoái...				
	Địa phương, TC, CQ, đơn vị trực tiếp LĐ, QL hoàn thành dưới 50% số chỉ tiêu...				
	Các chỉ tiêu chủ yếu không đạt 100%				
	Tập thể lãnh đạo, quản lý bị xử lý kỷ luật				
	Có thành viên của tập thể lãnh đạo, quản lý bị xử lý kỷ luật từ cảnh cáo trở lên				
	Khác				
II	Ở CẤP HUYỆN	279	0	16	263
1	Số có đến cuối năm (1=2+3)	279	0	16	263
2	Số chưa ĐG, XL chất lượng				
3	Số đã ĐG, XL chất lượng	279		16	263
-	HTXSNV	61		3	58
-	HTTNV	147		11	136
-	HTNV	60		2	58
-	Không HTNV	13			13
	Cấp có thẩm quyền kết luận mất đoàn kết nội bộ hoặc có thành viên suy thoái...				
	Địa phương, TC, CQ, đơn vị trực tiếp LĐ, QL hoàn thành dưới 50% số chỉ tiêu...				

Trong đó	Các chỉ tiêu chủ yếu không đạt 100%				
	Tập thể lãnh đạo, quản lý bị xử lý kỷ luật				
	Có thành viên của tập thể lãnh đạo, quản lý bị xử lý kỷ luật từ cảnh cáo trở lên	13			13
	Khác				
III	Ở CẤP CƠ SỞ	875	395		480
1	Số có đến cuối năm (1=2+3)	875	395		480
2	Số chưa ĐG, XL chất lượng				
3	Số đã ĐG, XL chất lượng	875	395		480
-	HTXS NV	168	86		82
-	HTTNV	658	282		376
-	HTNV	15	14		1
-	Không HTNV	34	13		21
Trong đó	Cấp có thẩm quyền kết luận mất đoàn kết nội bộ hoặc có thành viên suy thoái...	3			3
	Địa phương, TC, CQ, đơn vị trực tiếp LĐ, QL hoàn thành dưới 50% số chỉ tiêu...	2			2
	Các chỉ tiêu chủ yếu không đạt 100%	1			1
	Tập thể lãnh đạo, quản lý bị xử lý kỷ luật	2	2		
	Có thành viên của tập thể lãnh đạo, quản lý bị xử lý kỷ luật từ cảnh cáo trở lên	25			25
	Khác	1			1
IV	TỔNG SỐ TẬP THỂ LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ (IV=I+II+III)	1,209	395	17	797





THỐNG KÊ

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI CHẤT LƯỢNG CÁN BỘ LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ

Năm 2022

Biểu số 6E - BTCTW

STT	Chức danh	Tổng số có đến cuối năm	Tổng số chưa được đánh giá, xếp loại chất lượng	Tổng số đã được đánh giá, xếp loại chất lượng	Kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng				Ghi chú
					Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	Hoàn thành nhiệm vụ	Không hoàn thành nhiệm vụ	
1	2	3	4	5 = 6+7+8+9	6	7	8	9	10
I	Ở CẤP TỈNH (1)								
1	Bí thư	1		1		1			
2	Phó bí thư	3		3		2	1		
3	Ủy viên Ban thường vụ	11		11	2	7		2	
	<i>Tổng cộng</i>	15	0	15	2	10	1	2	
II	Ở CẤP HUYỆN (2)								
1	Bí thư	16		16	2	11	1	2	
2	Phó bí thư	15		15	6	9	0	0	
3	Ủy viên Ban thường vụ	31		31	8	23	0	0	
	<i>Tổng cộng</i>	62	0	62	16	43	1	2	
III	Ở CẤP CƠ SỞ (3)								
1	Bí thư	766		766	128	541	86	11	
2	Phó bí thư	494		494	79	385	26	4	
3	Ủy viên Ban chấp hành	560		560	150	395	12	3	
	<i>Tổng cộng (1) +(2)+(3)</i>	1,820	0	1,820	357	1,321	124	18	



TỈNH ỦY LÂM ĐỒNG

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

THỐNG KÊ
KẾT QUẢ KIỂM ĐIỂM TỰ PHÊ BÌNH VÀ PHÊ BÌNH
Năm 2022

Biểu số 6F - BTCTW

TT	Nội dung	Tập thể	Đảng viên	Ghi chú
1	Số lượng thuộc đối tượng phải kiểm điểm tự phê bình và phê bình	1,254	48,629	0
		317	10,784	0
		1	74	0
2	Số lượng đã kiểm điểm tự phê bình và phê bình	1,253	44,587	0
3	Số lượng chưa kiểm điểm tự phê bình và phê bình	1	4,042	0
	Trong đó:			
3.1	Số tập thể thành lập mới	1		0
3.2	Đảng viên mới kết nạp dưới 6 tháng			606
	Đảng viên được miễn công tác và sinh hoạt đảng			3,436
	Đảng viên bị đình chỉ sinh hoạt đảng		2	0
4	Số được gợi ý kiểm điểm	62	1,058	0
		0	0	0
		0	0	0
	Trong đó:	0	0	0
4.1	Thuộc diện ban thường vụ cấp ủy cấp tỉnh quản lý	6	7	0
4.2	Thuộc diện ban thường vụ cấp ủy cấp huyện quản lý	35	67	0
4.3	Thuộc diện đảng ủy cơ sở quản lý	21	976	0